TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2023/DS-PT
Ngày 28/12/2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Huy Cẩn

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thúy Mai, ông Vũ Văn Mạnh

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông H Văn Hải - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 và 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 87/2023/TLPT-DS ngày 16/10/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2023/DSST ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 110/2023/QĐ-PT ngày 14/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1974 (có mặt).

Cư trú tại: Tổ dân phố G, phường Đ, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện hợp pháp của bà H là: Ông Trần Văn L, sinh năm 1961 – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư số 1 Vĩnh Phúc, Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc (theo Giấy ủy quyền ngày 13/10/2021) (có mặt).

Địa chỉ: Số 32A Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Kế H, sinh năm 1973 (có mặt).

Cư trú tại: Thôn Y, xã T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H là: Ông Giáp Văn Đ – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Hoàng Phong, Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang (có mặt).

Địa chỉ: Số 67, phố Nguyễn Đình Chính, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Kế T, sinh năm 1960; cư trú tại: Thôn Yên Xuyên, xã Tân Phú, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

2. Ông Nguyễn Viết Th, sinh năm 1979; cư trú tại: Tổ dân phố Gia Viễn, phường Định Trung, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Kế H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2021, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mai H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn L trình bày:

Bà Nguyễn Thị Mai H và ông Nguyễn Kế H là bạn bè, có quan hệ làm ăn với nhau trong khoảng thời gian dài. Do có mối quan hệ làm ăn nên bà H đã cho ông H vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau: Ngày 30/01/2021, bà H cho ông H vay số tiền 200.000.000 đồng (chuyển khoản qua Ngân hàng Công thương Việt Nam); ngày 03/3/2021, bà H cho ông H vay số tiền 400.000.000 đồng (chuyển khoản 02 lần, qua Ngân hàng Kỹ Thương Việt Nam); ngày 25/3/2021, bà H cho ông H vay số tiền 100.000.000 đồng (chuyển khoản, qua Ngân hàng Kỹ Thương Việt Nam); ngày 08/3/2021, bà H cho ông H vay số tiền 2.000.000.000 đồng, việc vay nợ xác lập hợp đồng bằng văn bản, thời hạn trả nợ là 01 tháng. Việc vay nợ lập giấy tờ, có chữ ký, chữ viết của các bên; có người làm chứng là anh Nguyễn Viết Th. Đến hạn thanh toán, bà H đôn đốc nhiều lần nhưng ông H không trả nợ cho bà H.

Về số tiền vay trên, mặc dù khi cho vay bà H đang có chồng hợp pháp là ông Bùi Văn Th, nhưng tài sản cho vay là của riêng bà H. Bà yêu cầu ông H trả nợ cho bà.

Đối với ý kiến của ông H về việc số tiền vay 2.000.000.000 đồng là bà nhờ ông H đứng tên mua thửa đất và yêu cầu anh viết giấy nhận nợ; ông H đã góp vốn, bỏ chi phí vào mua nhà với số tiền 350.000.000 đồng. Nay ông H chỉ đồng ý trả cho bà 350.000.000 đồng bà không đồng ý.

Các khoản tiền vay trên không liên quan tới việc chuyển nhượng đất giữa bà với ông Nguyễn Kế T và ông H. Ngày 25/02/2021, bà ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất 648 diện tích 429,1m^2 của ông T hợp đồng đã được công chứng với số tiền là 1.400.000.000 đồng. Bà là người trực tiếp trả tiền cho ông T 2 lần, 1 lần là 900.000.000 đồng thanh toán tại Ngân hàng để ông T trả nợ vay ngân hàng để giải chấp rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về làm thủ tục chuyển nhượng, lần 2 thanh toán bằng tiền mặt, chuyển khoản 500.000.000 đồng cho ông T và ông T đã ký giấy nhận tiền 1.400.000.000 đồng ngày 01/02/2021. Sau đó, ông H muốn mua lại phần đất này nên giữa bà với ông T, ông H đã thỏa thuận hủy hợp đồng đã ký với ông T, bà chuyển nhượng lại cho

ông H 1.600.000.000 đồng, ông H với ông T ký hợp đồng chuyển nhượng với nhau vào sáng ngày 8/3/2021 và ông H thanh toán tiền nêu trên cho bà bằng tiền mặt sáng ngày 8/3/2021, giữa hai bên không làm giấy tờ giao nhận tiền, chiều ngày 8/3/2021 ông H vay 2.000.000.000 đồng của bà không liên quan tới việc chuyển nhượng đất. Sau đó, giá đất xuống, ông H cần tiền nên ngày 19/5/2021 ông H chuyển nhượng lại phần đất nêu trên cho bà với giá 1.300.000.000 đồng, hai bên giao nhận tiền mặt không viết giấy biên nhận.

Bà H yêu cầu buộc ông H phải trả cho bà số tiền gốc đã vay, tổng cộng là 2.700.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Bị đơn là ông Nguyễn Kế H trình bày:

Ông xác nhận 04 lần nhận tiền vay của bà H qua hình thức chuyển khoản, tổng số tiền vay là 700.000.000 đồng như bà H trình bày là đúng. Đối với số tiền 2.000.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 08/3/2021 là do ông và bà H cùng góp vốn để mua 01 thửa đất tại xã Tân Phú, huyện Vĩnh Tường của ông Nguyễn Kế T; giá trị thửa đất là 1.400.000.000 đồng; trong đó ông góp 200.000.000 đồng, còn lại là tiền của bà H. Do khi mua đất, ông là người đứng tên đất nên khi bà H yêu cầu, ông đã viết giấy nhận nợ 2.000.000.000 đồng như đã trình bày ở trên. Sau khi mua thửa đất, ông đã thuê thợ vào đổ đất, sửa chữa tài sản trên đất hết 150.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền ông góp vào là 350.000.000 đồng.

Thửa đất này, sau đó bà H đã bán và sử dụng toàn bộ số tiền, không trả cho ông 350.000.000 đồng. Do vậy, thực chất trong giao dịch này, bà H đang nợ của ông số tiền 350.000.000 đồng. Đối trừ 350.000.000 đồng bà H đang quản lý của ông với số tiền ông đã vay là 700.000.000 đồng (qua chuyển khoản). Thì hiện nay ông chỉ còn nợ bà H số tiền 350.000.000 đồng và ông chỉ đồng ý trả nợ số tiền này. Khoản vay và các giao dịch phát sinh với bà H là của cá nhân ông, không liên quan đến vợ là chị Bùi Thị Ch.

- *Người làm chứng là ông Nguyễn Viết Th trình bày:* Ông xác định khoảng 14h đến 15h ngày 8/3/2021, bà H có gọi ông sang nhà bà H để làm chứng việc bà H cho ông H vay tiền, ông chứng kiến ông H viết giấy vay nợ, nhận tiền của bà H đặt trên bàn uống nước, không nhớ số lượng tờ tiền, mệnh giá, chỉ nhớ là vay 2.000.000.000 đồng, ông ký vào mục người làm chứng. Ông cam kết lời khai của ông là hoàn toàn trung thực, khách quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời chứng của mình.

- *Người làm chứng là ông Nguyễn Kế T trình bày:* Lúc đầu ông chuyển nhượng đất cho bà H giá 1.400.000.000 đồng, bà H trả cho ông 900.000.000 đồng để nộp tại Ngân hàng ông đang vay để giải chấp rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra làm thủ tục chuyển nhượng, số tiền còn lại 500.000.000 đồng bà H trả cho ông bằng tiền mặt, chuyển khoản cụ thể như thế nào ông không nhớ, ngày 01/02/2021, ông ký giấy nhận tiền 1.400.000.000 đồng với bà H. Ngày 25/02/2021, ông ký hợp đồng chuyển nhượng đất cho bà H, nhưng sau đó hai bên thỏa thuận hủy bỏ hợp đồng này để ký hợp đồng chuyển nhượng cho

ông H ngày 8/3/2021. Ông không biết ông H có góp tiền mua đất với bà H hay không, không nhớ ông H có trả tiền cho ông không. Ông cam kết lời khai của ông là hoàn toàn trung thực, khách quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời chứng của mình.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2023/DSST ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mai H về việc yêu cầu buộc thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Buộc ông Nguyễn Kế H phải trả nợ cho bà Nguyễn Thị Mai H số tiền 2.700.000.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 5/9/2023, bị đơn anh Nguyễn Kế H kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Quá trình xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu: Về tố tụng: Tòa án phúc thẩm đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát và tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Kế H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 33/2023/DSST ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Kế H trong hạn luật định, việc thụ lý đơn kháng cáo đúng quy định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét đơn kháng cáo của ông H thấy rằng:

[3] Về các khoản bà Nguyễn Thị Mai H chuyển khoản cho ông H vay các ngày 30/1/2021, 03/3/2021, 25/3/2021 tổng số tiền 700.000.000 đồng, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm ông H thừa nhận đã vay khoản tiền này, Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm xác định ông H vay khoản tiền này của bà H là có căn cứ.

[4] Ông H xác định đã góp 200.000.000 đồng cùng với bà H mua thửa đất số 648, diện tích 429,1m^2 tại xã Tân Phú với số tiền 1.400.000.000 đồng của ông Nguyễn Kế T. Nhưng ông H không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh đã góp số tiền nêu trên cho bà H, bà H cũng không thừa nhận. Bà H cho rằng ông H chỉ là người giới thiệu bà mua đất với ông T, toàn bộ tiền do bà H trả

cho ông T gồm 900.000.000 đồng trả tại Ngân hàng để ông T trả nợ vay rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp ra làm thủ tục chuyển nhượng, còn lại 500.000.000 đồng trả tiền mặt và chuyển khoản cho ông T. Lời khai của ông T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bà H về việc thanh toán tiền như bà H trình bày, ông T xác định bà H là người trả tiền không nhớ có nhận tiền của ông H hay không và không biết việc góp tiền mua đất chung giữa ông H và bà H. Việc xác định bà H thanh toán toàn bộ 1.400.000.000 đồng cho ông T được thể hiện tại Giấy thanh toán tiền chuyển nhượng đất ngày 01/02/2021 giữa bên giao là bà H, bên nhận là ông T, có con ông T là Nguyễn Kế Thủy làm chứng, không có nội dung thể hiện ông H có tham gia trả tiền nhận chuyển nhượng đất.

[5] Bà H cho rằng lúc đầu bà nhận chuyển nhượng đất của ông T sau đó ông H muốn mua lại nên giữa bà H và ông T đã thỏa thuận hủy hợp đồng chuyển nhượng để bà chuyển nhượng lại đất cho ông H. Lời khai của bà H là có căn cứ, vì tại phiên tòa phúc thẩm bà H xuất trình thêm tài liệu là Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 25/02/2021 có nội dung ông T chuyển nhượng đất cho bà H, hợp đồng có công chứng, tại trang 3 của hợp đồng bà H có ghi nội dụng: "*Hôm nay ngày 8/3/2021, căn cứ vào hợp đồng ngày 25/2/2021, giữa tôi và ông Nguyễn Kế T đứng tên tôi là Nguyễn Thị Mai H. Nay tôi chuyển nhượng cho ông Nguyễn Kế H"*. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T và ông H thừa nhận hợp đồng chuyển nhượng ngày 25/2/2021 và nội dung viết tay của bà H tại trang 3 hợp đồng này. Thực tế, ngày 8/3/2021 ông T và ông H đã ký kết với nhau hợp đồng chuyển nhượng đất đã được công chứng chứng thực, sang tên và ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 648 diện tích 429,1m^2 nêu trên vào ngày 29/3/2021. Tại phiên Tòa phúc thẩm bà H xác định giá đất chuyển nhượng lại cho bà H ngày 8/3/2021 là 1.600.000.000 đồng việc thanh toán tiền cho bà H vào buổi sáng ngày 8/3/2021 bằng phương thức tiền mặt, hai bên không viết giấy biên nhận giao nhận tiền, việc ghi giá đất tại hợp đồng 343.000.000 đồng nhằm mục đích để giảm tiền thuế đất; buổi chiều ngày 8/3/2021 bà H cho ông H vay 2.000.000.000 đồng viết giấy biên nhận có người làm chứng là anh Nguyễn Viết Th. Ông H thừa nhận chữ viết tại giấy vay tiền ngày 8/3/2021 có nội dung ông H vay bà H 2.000.000.000 đồng là do ông H viết. Ông H cho rằng viết giấy vay tiền nêu trên là để đảm bảo cho việc bà H để ông đứng tên đất mua chung của ông T, nhưng bà H không thừa nhận mà xác định việc chuyển nhượng đất độc lập không liên quan tới việc vay tiền và ông H không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh. Ông H xác định việc viết giấy vay tiền ở nơi khác (quán nhà ông Long) không phải nhà bà H, không có việc giao tiền, không có người làm chứng là ông Thọ. Hội đồng xét xử đã hỏi ông H tại quán nhà ông Long thì ông Long có chứng kiến việc viết giấy vay tiền và thỏa thuận giữa hai bên không, ông H trả lời ông Long không chứng kiến, không biết và không có ai biết, nên không cần thiết phải tạm ngừng phiên tòa để lấy lời khai của ông Long để làm rõ. Tại phiên Tòa phúc thẩm khi hỏi người làm chứng là ông Thọ và bà H về việc làm chứng vay tiền, Hội đồng xét xử đã tiến hành tách, cách ly ông Thọ với bà H đảm bảo việc trình bày khách quan thì lời khai của ông Thọ, bà H thống nhất với nhau về việc khoảng 14h đến 15h ngày

8/3/2021 bà H có gọi điện ông Thọ sang nhà bà H làm chứng việc vay tiền giữa ông H với bà H, tiền bà H để trên mặt bàn, ông H là người viết giấy vay tiền và nhận tiền trước mặt ông Thọ. Còn về mệnh giá tiền, số lượng tờ tiền thì cả ông Thọ, bà H không nhớ rõ vì đã lâu.

[6] Nội dung giấy vay tiền không có nội dung nhằm đảm bảo việc đứng tên đất của ông H. Ngày 19/5/2021, ông H ký hợp đồng chuyển nhượng đất lại cho bà H, hợp đồng đã được công chứng. Bà H xác định thời điểm này ông H có nhu cầu bán đất do cần tiền, giá đất xuống nên bà H nhận chuyển nhượng lại của ông H giá thực tế là 1.300.000.000 đồng, bà H xác định đã trả tiền cho ông H bằng tiền mặt, giống như việc chuyển nhượng đất ngày 8/3/2021 giữa hai bên do bạn bè tin nhau, đã ký hợp đồng chuyển nhượng đất, đã được công chứng nên không viết giấy biên nhận tiền. Thực tế, thì việc chuyển nhượng đất đã được làm thủ tục sang tên từ ông H sang bà H, ngày 8/7/2021 bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà H nhưng ông H không đòi lại giấy vay tiền ngày 8/3/2021 để hủy bỏ, hoặc yêu cầu bà H phải viết giấy vay tiền hoặc giấy tờ thỏa thuận khác giằng buộc trách nhiệm đứng tên đất như giấy vay tiền ngày 8/3/2021 như ông H nêu ra. Mặt khác, sau đó bà H đã chuyển nhượng đất nêu trên cho người khác nhưng giữa ông H với bà H cũng không lập văn bản giải quyết việc góp vốn, thanh toán tiền, chia lợi nhuận. Đơn kháng cáo của ông H cho rằng ông có bản ghi âm cuộc nói chuyện với bà H về nội dung vay nợ tiền giữa ông H với bà H, nhưng ông H không cung cấp bản ghi âm cho Tòa án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã hỏi bản ghi âm chứa nội dung gì, ông H trả lời bản ghi âm chứa nội dung bà H chỉ đòi số tiền 700.000.000 đồng, không nhắc đến khoản nợ 2.000.000.000 đồng. Lời trình bày của ông H về đoạn ghi âm là không có căn cứ, không cung cấp được bản ghi âm, nội dung ghi âm như ông H trình bày cũng không thể hiện được bà H xác định không cho ông H vay 2.000.000.000 đồng.

[7] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy ông H cho rằng góp vốn chung với bà H mua đất của ông T, giấy vay tiền ngày 8/3/2021 là giả tạo chỉ nhằm đảm bảo cho ông H đứng tên nhận chuyển nhượng đất một mình là không có căn cứ chứng minh. Mà có căn cứ xác định giữa bà H với ông H có quan hệ chuyển nhượng đất và vay mượn tiền độc lập nhau, không có căn cứ xác định sự liên quan tới nhau như ông H trình bày. Từ đó, việc ông H xác định đã góp chung với bà H 200.000.000 đồng nhận chuyển nhượng đất của ông T là không có căn cứ và việc ông H cho rằng đã bỏ ra 150.000.000 đồng san lấp đất nay yêu cầu trừ số tiền này vào khoản tiền đã vay cũng là không có căn cứ. Vợ ông Hoàng, chồng bà H đều xác định các khoản vay nêu trên giữa bà H với ông H là trách nhiệm riêng, tài sản riêng của bà H, ông H. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà H, buộc ông H trả bà H 2.700.000.000 đồng, ông H không phải trả lãi do bà H không yêu cầu là có căn cứ pháp luật. Trường hợp ông H có tranh chấp về các hợp đồng chuyển nhượng đất với bà H có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[8] Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu xót về thu thập chứng cứ như: Không lấy được lời khai của ông T, chưa đối chất lời khai giữa các đương sự với người làm chứng, chưa thu thập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25/02/2021 giữa bà H với ông T để đánh giá mối quan hệ giữa chuyển nhượng đất và vay mượn tiền giữa bà H với ông H. Những thiếu xót này đã được cấp phúc thẩm khắc phục và làm rõ tại phiên tòa phúc thẩm, bản chất vụ án không thay đổi. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

[9] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Kế H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 33/2023/DSST ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mai H về việc yêu cầu buộc thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Buộc ông Nguyễn Kế H phải trả nợ cho bà Nguyễn Thị Mai H số tiền 2.700.000.000 (Hai tỷ bảy trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Nguyễn Thị Mai H có yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Kế H không trả đủ khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Kế H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 86.000.000 (Tám mươi sáu triệu) đồng. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Mai H 43.000.000 (Bốn mươi ba triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0005387 ngày 09/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Kế H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000467 ngày 06/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi một số điều của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS H. Vĩnh Tường;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Huy Cẩn